

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ**  
**SỐ NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI SINH VIÊN ĐÃ THỰC HIỆN**  
(Tính đến 30/06/2024)

**Khoa:** Design

Số ngày CTXH cần hoàn thành: 10

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
					1	2	3	4	5	6	7	8	
1	DH92006961	Vũ Thị Yên Bình	D20_TK1TD	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
2	DH92001549	Tô Nguyễn Hoàng Khánh	D20_TK1TD	19	15.5	-	-	-	-	3.5	-	-	0
3	DH92004064	Phan Kiệt Đức	D20_TK1TD	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
4	DH92003411	Nguyễn Minh Hiền	D20_TK1TD	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
5	DH92005095	Nguyễn Đình Kỳ	D20_TK1TD	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
6	DH92003595	Lương Hoàng Bảo	D20_TK2TT	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
7	DH92001137	Hồ Trương Quốc Huy	D20_TK2TT	8	-	-	-	-	-	8	-	-	2
8	DH92000551	Phạm Lê Hoàng Phúc	D20_TK2TT	7.5	-	-	-	-	-	7.5	-	-	2.5
9	DH92003758	Nguyễn Thanh An	D20_TK3DH	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
10	DH92004234	Tý Thiệu Thuận An	D20_TK3DH	17.5	-	-	-	-	-	17.5	-	-	0
11	DH92003267	Lương Quốc Anh	D20_TK3DH	6	-	-	-	2	-	4	-	-	4
12	DH92002704	Nguyễn Hoàng Bích	D20_TK3DH	8	-	-	-	-	-	8	-	-	2
13	DH92003590	Nguyễn Thọ Danh	D20_TK3DH	13.5	-	-	-	-	-	13.5	-	-	0
14	DH92004479	Nguyễn Hữu Hoàng Duy	D20_TK3DH	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
15	DH92002503	Nguyễn Thị Thùy Duyên	D20_TK3DH	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
16	DH92004730	Lê Tiến Đạt	D20_TK3DH	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
17	DH92001095	Trần Ngọc Đăng	D20_TK3DH	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
18	DH92004622	Nguyễn Huỳnh Đức	D20_TK3DH	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
19	DH92004229	Lâm Kim Hậu	D20_TK3DH	5.5	-	-	-	-	-	4.5	1	-	4.5
20	DH92003546	Lương Quốc Huy	D20_TK3DH	19.5	-	-	-	-	-	19.5	-	-	0
21	DH92001810	Nguyễn Đức Huy	D20_TK3DH	15	-	-	-	-	-	15	-	-	0
22	DH92002174	Trần Quốc Kha	D20_TK3DH	21.5	5	-	-	-	-	16.5	-	-	0
23	DH92005098	Vũ Đình Khánh	D20_TK3DH	12.5	-	-	-	-	-	12.5	-	-	0
24	DH92000594	Nguyễn Hữu Anh Khoa	D20_TK3DH	38	-	-	-	-	-	38	-	-	0
25	DH92001967	Bùi Duy Khương	D20_TK3DH	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
26	DH92001960	Nguyễn Thành	Lâm	D20_TK3DH	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
27	DH92005101	Ngô Thị Mỹ	Linh	D20_TK3DH	12	-	-	-	-	2	7	3	-	0
28	DH92006577	Nguyễn Huỳnh	Long	D20_TK3DH	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
29	DH92003044	Nguyễn Thành	Luân	D20_TK3DH	7	-	-	-	-	-	7	-	-	3
30	DH92001441	Nguyễn Hà Phương	Ly	D20_TK3DH	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
31	DH92001839	Nguyễn Thị Trà	My	D20_TK3DH	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
32	DH92003926	Đỗ Trọng	Nam	D20_TK3DH	14.5	-	-	-	-	-	14.5	-	-	0
33	DH92000862	Phan Thành	Nghiệp	D20_TK3DH	9.5	5	-	-	-	-	4.5	-	-	0.5
34	DH92005113	Tô Hoài	Nhi	D20_TK3DH	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
35	DH92004846	Trần Hoài	Nhi	D20_TK3DH	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
36	DH92003983	Lê Tấn	Phước	D20_TK3DH	16	-	-	-	-	-	16	-	-	0
37	DH92005122	Trần Văn	Quân	D20_TK3DH	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
38	DH92004475	Nguyễn Hoàng	Sang	D20_TK3DH	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
39	DH92004025	Ngô Chí	Tài	D20_TK3DH	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
40	DH92004800	Bùi Doãn Phương	Thảo	D20_TK3DH	10	-	-	-	-	-	10	-	-	0
41	DH92001836	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	D20_TK3DH	8.5	-	-	-	-	-	8.5	-	-	1.5
42	DH92002387	Lê Việt	Thiện	D20_TK3DH	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
43	DH92004723	Lê Hồng	Thom	D20_TK3DH	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
44	DH92000017	Phạm Thị Kim	Thùy	D20_TK3DH	5.5	-	-	-	-	-	2.5	3	-	4.5
45	DH92003307	Nguyễn Thị Anh	Thư	D20_TK3DH	22	-	-	-	-	4	18	-	-	0
46	DH92005148	Lê Thị Ngọc	Trâm	D20_TK3DH	5.5	-	-	-	-	-	5.5	-	-	4.5
47	DH92004078	Nguyễn Tuấn	Trung	D20_TK3DH	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
48	DH92001853	Hồ Văn	Tuấn	D20_TK3DH	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
49	DH92006144	Trần Anh	Tuấn	D20_TK3DH	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
50	DH92005153	Võ Thanh	Vân	D20_TK3DH	19.5	-	-	-	-	-	19.5	-	-	0
51	DH92002230	Nguyễn Đỗ Tường	Vy	D20_TK3DH	13.5	-	-	-	-	3	10.5	-	-	0
52	DH92001837	Phan Trần Khánh	Vy	D20_TK3DH	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
53	DH92003219	Trần Thị Thảo	Vy	D20_TK3DH	5.5	-	-	-	-	4	1.5	-	-	4.5
54	DH92004421	Trần Thị Lan	Anh	D20_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
55	DH92004360	Nguyễn Lê Hoàng	ánh	D20_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
56	DH92002213	Đặng Quốc	Danh	D20_TK4NT	10	-	3	-	-	7	-	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung								Số ngày CTXH cần thực hiện
						1	2	3	4	5	6	7	8	
57	DH92006580	Võ Thị Đông	Giang	D20_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
58	DH92001058	Phạm Thị Kim	Hằng	D20_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
59	DH92002253	Cao Quang	Huy	D20_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
60	DH92002228	Phạm Thị Mỹ	Huyền	D20_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
61	DH92007112	Nguyễn Võ Anh	Khoa	D20_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
62	DH92002014	Lê Anh	Minh	D20_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
63	DH92004304	Ninh Lê Minh	Quang	D20_TK4NT	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
64	DH92002271	Bùi Chiến	Thắng	D20_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
65	DH92001579	Huỳnh Quang	Thoại	D20_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
66	DH92001276	Huỳnh Cẩm	Thu	D20_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
67	DH92000010	Đoàn Minh	Thư	D20_TK4NT	5.5	-	-	-	-	-	5.5	-	-	4.5
68	DH92004233	Lê Hoàng Anh	Thư	D20_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
69	DH92000985	Nguyễn Tiến	Tuấn	D20_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
70	DH92004429	Phạm Thế	Việt	D20_TK4NT	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
71	DH92004715	Nguyễn Trọng	Vĩnh	D20_TK4NT	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
72	DH92004823	Đào Thế	Vỹ	D20_TK4NT	11	4	0.5	-	-	-	6.5	-	-	0

Tổng số SV: **72**

Đã hoàn thành: **17**

Chưa hoàn thành: **55**

**\*Ghi chú: Nội dung thực hiện**

- 1: Các chiến dịch tình nguyện vì cộng đồng
- 2: Hoạt động bảo vệ môi trường; Tuyên truyền phổ biến pháp luật
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Các hoạt động cứu trợ thiên tai, dịch bệnh, ...
- 5: Lớp học tình thương; Các hoạt động công ích phục vụ xã hội
- 6: Tham gia các hoạt động phục vụ, hỗ trợ Nhà trường, ...
- 7: Hiến máu tình nguyện
8. Công tác cán bộ Đoàn - Hội các cấp, Ban cán sự Lớp, ...

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 07 năm 2024

**Người lập bảng**

**Phụ trách Phòng CTSV**

**HIỆU TRƯỞNG**

**(Đã ký)**

**(Đã ký)**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Diễm Ngân**

**ThS. Lê Thị Phương Hằng**

**PGS, TS. Cao Hào Thi**